

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1471/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 07 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024
huyện Hà Quảng (đợt 3)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua Danh mục các dự án, công trình cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (bổ sung, điều chỉnh đợt 03);

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng thông qua Danh mục các dự án, công trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2024 (bổ sung, điều chỉnh đợt 03);

Theo đề nghị của UBND huyện Hà Quảng tại Tờ trình số 3131/TTr-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2024; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4420/TTr-STNMT ngày 05 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng (đợt 3) như sau:

1. Bổ sung 01 dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Tên dự án: Công trình Trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

- Tổng diện tích: 0,1981 ha (đất khác). Dự án không sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất rừng sản xuất.

- Địa điểm thực hiện: xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)

2. Bổ sung chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân

- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất ở): 28.965,2 m². Trong đó:

+ Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở đô thị: 4029,8 m² (Trong đó: Đất trồng lúa 2711,8 m², đất trồng cây hàng năm khác 511,1 m², đất trồng cây lâu năm 806,9 m²). Địa điểm thực hiện: Thị trấn Xuân Hòa và Thị trấn Thông Nông.

+ Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn: 24.935,4m² (Trong đó: Đất trồng lúa 11.410,9 m², đất trồng cây hàng năm khác 10.091,5 m², đất trồng cây lâu năm 2798,0 m²; đất nuôi trồng thủy sản 235,0 m², đất rừng phòng hộ 100,0 m²). Địa điểm thực hiện: Các xã Lương Can, Ngọc Đào, Xã Sóc Hà, xã Thanh Long, xã Trường Hà, xã Yên Sơn, xã Lương Thông).

- Chuyển từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất thương mại dịch vụ): 1.952,0 m² (trong đó đất trồng lúa 1.052,0 m², Đất trồng cây hàng năm khác 450,0 m²).

3. Bổ sung chỉ tiêu giao đất

Bổ sung chỉ tiêu giao đất ở nông thôn đối với cá nhân là đối tượng hưởng thụ chương trình hỗ trợ xóa nhà tạm nhà dột nát trên địa bàn tỉnh.

- Tổng diện tích: 400,0 m²

- Địa điểm thực hiện: Xã Yên Sơn

(Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh 01 dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05/3/2024 của UBND tỉnh, như sau:

- Tên dự án: Dự án Công trình Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa – thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng

- Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh diện tích từ 37,988 ha thành 44,8714 ha (tăng 6,8834ha).

(Chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo)

Điều 3. Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng có trách nhiệm công bố công khai nội dung bổ sung và điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng (đợt 3) theo đúng quy định của pháp luật về đất đai; báo cáo kết quả thực

hiện theo quy định; Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát diện tích rừng trong phạm vi dự án sau điều chỉnh để thực hiện điều chỉnh các nội dung liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng rừng (nếu có); Thực hiện việc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Hà Quảng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hà Quảng và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Thạch

Phụ lục 01

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ SUNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN HÀ QUẢNG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích chia theo loại đất (ha)						Địa điểm (cấp xã)	Số thửa	Số tờ bản đồ	Công trình đăng ký mới	Căn cứ pháp lý
				Tổng diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	0,1981	-	0,1981	-	-	-	-	0,1981	xã Trường Hà	tờ 40: 454, 456, 457	40	2024	(1) Văn bản 01/2024/PĐ ngày 08/6/2024 của Công ty cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh V/v đăng ký tài trợ xây dựng trường mầm non Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng (2) Văn bản số 1964/UBND-GDĐT ngày 25/6/2024 của UBND huyện Hà Quảng V/v nhất trí tiếp nhận nguồn tài trợ và bàn giao mặt bằng để xây dựng công trình trường mầm non Pác Bó (3) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh Cao Bằng (4) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh Cao Bằng
Tổng cộng		0,1981	-	0,1981	-	-	-	-	0,1981					

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 70+71+72+73+74+75+76+77+78/Ngày 19/11/2024

hụ lục 2

BIỂU BỔ SUNG CHỈ TIÊU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN HÀ QUẢNG (ĐỢT 3)
(Kèm theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

STT	Nội dung	Tổng diện tích (ha)	Diện tích chia theo loại đất				Vị trí trên bản đồ địa chính		Địa điểm cấp xã	Văn bản pháp lý
			LUA	RPH	RDD	Đất khác	Số tờ	Số thửa		
I	Chuyển MĐSDĐ từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	3,0777	1,5834	0,0400		1,4543				
1	Chuyển MĐSDĐ từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (Đất ở đô thị)	0,3880	0,2771			0,1109	26-5, 16, 79 (8), 195, 9-5, 46 (ĐC tờ 41), 33, 12, 50, 9, 5, 34, 67-5	tờ 26-5: 78 tờ 16: 168 (tách từ 17) tờ 79(8): 623, 619 (tách từ 504) tờ 19-5: 110 tờ 9-5: 85 tờ 46 (ĐC tờ 41): 103, 100 tờ 33: 253 (tách từ 4) tờ 12: 59 tờ 50: 86 tờ 6: 523 tờ 5: 66, 476 tờ 34: 149, 171, 219, 221, 150 tờ 67-5: 109, 110	TT Xuân Hòa	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
		0,0150	0,0150				57	tờ 57: 69	TT Thông Nông	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
2	Chuyển MĐSDĐ từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (Đất ở tại nông thôn)	0,0200				0,0200	27	tờ 27: 257	Xã Lương Can	Báo cáo số 233/BC-UBND ngày 23/7/2024 của UBND xã Lương Can
		0,1332	0,0621			0,0711	55, 53, 19, 34	tờ 55: 64 tờ 53: 540 tờ 19: 174, 166 tờ 34: 230	Xã Ngọc Đào	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
		0,3944	0,3334			0,0610	6, 2, 43, 49, 66	tờ 6: 277, 188, 340, 341, 168, tờ 2: 183, tờ 43: 41, tờ 49: 95, 111, 76, tờ 66: 168, 171, 169, 172, 175	Xã Quý Quân	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
		0,0300	0,0300				46	tờ 46: 416	Xã Sóc Hà	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
		0,0891	0,0277			0,0614	42, 16	tờ 42: 133, 76, 32, 33, tờ 16: 30	Xã Thanh Long	Báo cáo số 294/BC-UBND ngày 23/7/2024 của UBND xã Thanh Long

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 70+71+72+73+74+75+76+77+78/Ngày 19/11/2024

1,0216	0,5480			0,4736	28, 49, 15, 20, 15, 16, 56, 19, 29, 60, 117 (48), 118 (49), 112 (42), 115 (45), 52	tò 28: 496, 130, tò 49: 1, tò 15: 83, 56, 86, 93, 127, 89, 65, 188, 281, 267 tò 20: 163 (tách từ 57), tò 16: 28, 3, 15, tò 56: 215, tò 19: 23, tò 29: 114, 115, 117, tò 60: 104, tò 117(48): 351, 22, tò 118(49): 127, 190, 500, tò 112 (42): 399, 74, 190, tò 115(45): 67, tò 52: 16, 26	Xã Trường Hà	Báo cáo số 368/BC-UBND ngày 23/7/2024 của UBND xã Trường Hà

CÔNG BÁO CAO BẰNG/Số 70+71+72+73+74+75+76+77+78/Ngày 19/11/2024

		0,5879	0,0400		0,5479	63, 68, 66, 78, 98, 71, 55, 54, 52, 19, 49, 30, 10, 2, 1	tờ 63: 51, 60, tờ 68: 2, tờ 66: 75, tờ 78: 138, 127, 169 (tách từ 29), 18, 24, 4, 18, tờ 98: 51, tờ 71: 56, tờ 55: 91, 71, 80, tờ 54: 62, tờ 52: 5, tờ 19: 25, tờ 49: 12, 15, 13, tờ 30: 23 (tách từ 21), tờ 10: 8, 34, 36, tờ 2: 22, 61, 146 tờ 1: 79	Xã Yên Sơn	Báo cáo số 465/BC-UBND ngày 19/7/2024 của UBND xã Yên Sơn
		0,2033	0,1399		0,0634	86, 104, 194, 193, 175, 206, 151, 172	tờ 86: 201, 269 (tách từ 84) tờ 104: 26, tờ 194: 41, tờ 193: 12, tờ 175: 56, 57, 58, tờ 206: 6, tờ 151: 183, tờ 172: 121	Xã Lương Thông	Danh sách đăng ký có xác nhận của UBND cấp xã
3	Chuyển MĐSDĐ từ đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp (đất thương mại dịch vụ)	0,1952	0,1502		0,0450	56, 52, 50	tờ 56: 224, 127, 182, tờ 52: 17, tờ 50: 81	Xã Trường Hà	Báo cáo số 368/BC-UBND ngày 23/7/2024 của UBND xã Trường Hà
II	Chỉ tiêu giao đất								
	Giao đất ở nông thôn	0,0400				22 (61,22)		Xã Yên Sơn	(1). Quyết định số 3780/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND huyện Hà Quảng về việc phê duyệt danh sách 774 hộ nghèo có khó khăn về nhà ở được hỗ trợ làm mới, sửa chữa nhà ở năm 2021; (2). Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 03/5/2024 của UBND huyện Hà Quảng về việc phê duyệt điều chỉnh danh sách các hộ thực hiện theo Đề án “Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện

Phụ lục 03

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN HÀ QUẢNG, TỈNH CAO BẰNG (ĐỢT 3)

(Kèm theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Cao Bằng)

NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT ĐỊNH SỐ 251/QĐ-UBND NGÀY 05/3/2024											NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG							Vị trí thực hiện			Lý do, Căn cứ điều chỉnh		
ST T	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích chia theo loại đất (ha)						Địa điểm (cấp xã)	Tên công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích chia theo loại đất (ha)						Địa điểm (cấp xã)		Số thửa	Số tờ bản đồ
				Diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác					Tổng diện tích	Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng sản xuất	Đất khác				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
I Công trình được HĐND tỉnh thông qua																							
1	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	14,4670	-	14,4670	2,7980	9,4340	-	-	2,2350	TT Xuân Hòa	Cải tạo, nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	16,9542	14,467	16,9542	2,8489	11,7694	-	-	2,3359	TT Xuân Hòa	Các thửa bổ sung: từ 162: 48, 99; từ 163: 65;	dc29, 30, 31, 37, 38, 39, 43, 44, 45, 49, 50, 162, 163	(1) Quyết định số 891/QĐ- UBND ngày 30/5/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án; Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh dự án. (2) Văn bản số 778/BQLDA-QLDA ngày 05/8/2024 của Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Cao Bằng V/v đăng ký bổ sung danh mục công trình dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 (3) Nghị quyết số 75/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh Cao Bằng (4) Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 25/9/2024 của HĐND tỉnh Cao Bằng
		11,2740	-	11,2740	0,5950	4,3430	-	-	6,3360	xã Quý Quân		14,0584	11,274	14,0584	0,6547	6,8939	-	-	6,5098	xã Quý Quân	Các thửa bổ sung: từ 1: 360, 400, 415, 419; từ 22: 369, 372, 373; từ 27: 155, 156, 157, 159, 160, 165, 166, 167;	dc 1, 16, 17, 20, 21, 22, 25, 32, 27, 38, 43, 44, 49, 57, 66, 72	
		8,4560	-	8,4560	0,1280	3,7400	-	-	4,5880	xã Đa Thông		10,0678	8,456	10,0678	0,1280	4,2483	-	-	5,6915	xã Đa Thông	Các thửa bổ sung: từ 2: 85, 91, 93; từ 17: 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 61, 62, 63;	dc 162, 163, 164, 171, 172, 173, 174, 2, 17	
		3,7910	-	3,7910	0,0730	1,0530	-	-	2,6650	TT Thông Nông		3,7910	3,791	3,7910	0,0730	1,0530	-	-	2,6650	TT Thông Nông	từ dc1: 1,2,3,4,5,6,7,10,11,12. từ dc27: 16,20,24,25,26,27 từ dc28: 57,58,59,60,65,66, 67,68... từ 29:	dc 1, 27, 28, 29, 52, 53, 54, 58, 59	
Tổng cộng		37,9880	-	37,9880					15,8240		44,8714	37,988	44,8714	3,7046	23,9646	-	-	17,2022					